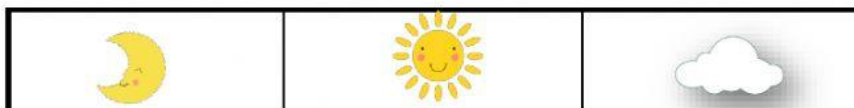


LISTEN AND CHOOSE THE CORRECT THE PICTURE

1. 日



2. 月



3. 山



4. 水



5. 云



6. 天



7. 田



8. 火



9. 土



10. 木



11. 石



GURUPANDA CHINESE ONLINE CLASS

- | | |
|---------|--------|
| 1. 土 * | * Shí |
| 2. 山 * | * Mù |
| 3. 木 * | * Tǔ |
| 4. 石 * | * Yuè |
| 5. 月 * | * Shān |
| 6. 日 * | * rì |
| 7. 水 * | * Huǒ |
| 8. 云 * | * tiān |
| 9. 天 * | * tián |
| 10. 田 * | * Yún |
| 11. 火 * | * Shuǐ |